

Bản án số: 37/2023/HSST
Ngày 28 tháng 6 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Giáp Thị Loan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái

Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2023/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/HSST-QĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị H, sinh năm 1983. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ. Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, tHnh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12. Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không. Bố đẻ: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1962. Mẹ đẻ: Lành Thị Ph, sinh năm 1962. Gia đình bị can có 02 chị em ruột, bản thân là con thứ nhất. Chồng: Đỗ Văn Đ, sinh năm 1980 (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2010. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nghiêm Việt T sinh năm 1975 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố Nhiêu H, thị trấn Đồi ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1962 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tHnh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1990 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Th, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Trương Văn Th, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã Th, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/01/2023, anh Nghiêm Thế V là Công chứng viên Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Thư ở phố Đồi Ngô, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam tiếp nhận hồ sơ công chứng Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 trú tại Thôn T, xã T, tHnh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang với anh Đỗ Văn T, sinh năm 1990 trú tại Thôn H, xã Th, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đối với thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nh ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 087761 mang tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1983, CMND số 121529793, địa chỉ thường trú: Xã Tân Tiến, tHnh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, thửa đất số 695, thuộc tờ bản đồ số 22, địa chỉ: Thôn T, xã T, tHnh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; diện tích: 128m², mục đích sử dụng: Đất thổ cư; thời hạn sử dụng: Lâu dài, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/12/2022. Trong quá trình làm thủ tục công chứng hợp đồng, anh Th phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nh ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 087761 nghi vấn là giả nên đã trình báo Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam triệu tập Nguyễn Thị H về trụ sở để làm rõ. Tại Cơ quan điều tra, H đầu thú và khai nhận Hnh vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 087761 mang tên Nguyễn Thị H để thế chấp cho anh Đỗ Văn T vay tiền. H giao nộp:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Visson biển số 98B3- 471.54;

- 03 (ba) hợp đồng đặt cọc ngày 05/01/2023 có chữ ký của H và anh Đỗ Văn T (ký hiệu A3 đến A5);

- 01 (một) chứng minh thư nhân dân số 121529793 mang tên Nguyễn Thị H;
- 01 (một) phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản có chữ ký của Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn T (ký hiệu A2);
- Bản phô tô chứng minh thư nhân dân của Nguyễn Thị H; Bản phô tô căn cước công dân của anh Đỗ Văn T; Bản phô tô Giấy xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã Tân Tiến, tHnh phố Bắc Giang đối với Nguyễn Thị H; Bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 087761;
- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 087761 mang tên Nguyễn Thị H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/12/2022 (ký hiệu A1).

Kiểm tra điện thoại di động Samsung thu giữ của H, phát hiện: Trong ứng dụng Zalo có lưu tên tài khoản “Lê Lộc”, phân tin nhắn không có nội dung gì nhưng có ghim 01 tin nhắn bên trên có nội dung “Sổ hồng (4TR5) C H, thôn Bùng, xã Phùng ...”; Ngoài ra, không phát hiện nội dung tin nhắn, hình ảnh nào liên quan đến sự việc. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tiến Hnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị H, song không thu giữ đồ vật, tài sản gì. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, con dấu, giấy tờ tài liệu đã thu giữ của Nguyễn Thị H.

Bản Kết luận giám định số 26/KL-KTHS ngày 06/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Phôi, hình dấu tròn trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản gắn liền với đất” số CO 087761 gửi giám định (ký hiệu A1) là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Đình Thắng dưới mục “Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của Nguyễn Đình Thắng trên tài liệu mẫu (ký hiệu M2) là không phải do cùng một người ký ra.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H khai nhận: Do cần tiền để làm ăn, kinh doanh, H đã nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để mang đi thế chấp vay tiền. Khoảng cuối tháng 12/2022, H gặp một người phụ nữ tên Lộc (H không rõ nhân thân, lai lịch người này) và lưu tên Lộc trong ứng dụng Zalo trên điện thoại của H tên là “Lê Lộc”. H liên lạc, trao đổi với Lộc qua ứng dụng Zalo và được Lộc nói cho biết việc Lộc có khả năng làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. H đặt vấn đề thuê Lộc làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị H thì được Lộc đồng ý. Sau đó, H đã cung cấp thông tin cá nhân, thông tin thửa đất cho Lộc để Lộc làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

(GCNQSDD) đứng tên H, hai bên thỏa thuận giá mua bán giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả là 12.000.0000 đồng, việc chuyển tiền, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả qua bưu điện và chuyển khoản.

Chiều ngày 03/01/2023, H gặp Lộc tại tHnh phố Bắc Giang, Lộc giao cho H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Nguyễn Thị H (thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng như H cung cấp cho Lộc); H trả cho Lộc 12.000.000 đồng. Sau đó, H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả về nH cất giấu.

Ngày 04/01/2023, H gọi điện cho ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1959 trú tại Thôn Đ, xã B, huyện Lục Nam (là người quen biết của H) nhờ ông Đ giới thiệu người cho vay tiền để H vay tiền dưới hình thức thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất. Ông Đ đồng ý. Khoảng 09 giờ ngày 05/01/2023, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Visson biển số 98B3- 471.54 mang theo chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến khu vực ngã tư Thân, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam gặp ông Đ. Ông Đ gọi điện nhờ anh Trương Văn Th, sinh năm 1975 trú tại Thôn G, xã Th, huyện Lục Nam tìm người nhận cho vay tiền dưới hình thức thế chấp tài sản giúp H. Anh Thập đồng ý. Khoảng 10 giờ cùng ngày, H và ông Đ gặp anh Thập tại một quán ăn sáng ở Thôn H, xã Th, huyện Lục Nam. H đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Thập xem. Anh Thập xem thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên H nên đã đi xe máy đến nH anh Đỗ Văn T, sinh năm 1990 trú tại Thôn H, xã Th, huyện Lục Nam nói cho anh T biết việc H có nhu cầu vay tiền dưới hình thức thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh T đồng ý.

Sau đó, anh Th quay lại đưa H vào nH anh T. Tại nH anh T, H đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên H cho anh T xem và đặt vấn đề vay anh T số tiền 200.000.000 đồng, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của H. Anh T không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H đưa là giả nên đồng ý. H và anh T thỏa thuận tới văn phòng công chứng Nguyễn Văn Thư ở phố Đồi Ngô, thị trấn Đồi Ngô làm hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên H, sau đó anh T sẽ đi kiểm tra đất trên thực địa và giao tiền cho H sau.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, H cùng anh T, ông Đ đến Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Thư làm hồ sơ công chứng hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản tiền H vay, khi anh T và H đang làm hợp đồng thì Văn phòng công chứng nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị H là giả nên đã trình báo cơ quan Công an. Tại Cơ quan điều tra, H khai báo tHnh khản Hnh vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng chuyển xử lý cùng vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thị H đã tHnh khẩn khai nhận Hnh vi phạm tội của bản thân như cáo trạng truy tố và đồng ý với ý kiến phát biểu của đại diện VKSND huyện Lục Nam về việc đề nghị Tòa án xét xử bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo nhận thức Hnh vi của mình đã thực hiện là sai, vi phạm pháp luật và đề nghị được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc gia đình do bố ốm đau, con còn đi học.

Bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, khi công bố nội dung bản cáo trạng, đại diện VKSND huyện Lục Nam vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về Hnh vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, sau phần xét hỏi và tranh luận, đại diện VKSND huyện Lục Nam phát biểu ý kiến thay đổi tội danh đối với bị cáo H, đề nghị HĐXX xét xử bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã Tân Tiến, tHnh phố Bắc Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung quỹ nH nước: 01 điện thoại SamSung của bị cáo H;
- Trả lại cho bị cáo H: 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị H.

Ngoài ra còn đề nghị xem xét về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều

tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về Hình vi, quyết định của cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng. Các Hình vi, quyết định của cơ quan tiến Hình tố tụng, của người tiến Hình tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến Hình xét xử vụ án.

[3]. Về Hình vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị H tại phiên tòa đã thừa nhận bị cáo có Hình vi “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, cụ thể: Do cần tiền để làm ăn, kinh doanh, khoảng cuối tháng 12 năm 2022, Nguyễn Thị H đã thuê làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nh ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 087761 mang tên Nguyễn Thị H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/12/2022, mục đích để thế chấp vay tiền. Đến ngày 05/01/2023, H mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này đến thế chấp cho anh Đỗ Văn T, sinh năm 1990 trú tại Thôn H, xã Th, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang để vay tiền, khi hai bên lập hợp đồng công chứng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bị phát hiện, xử lý.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như vật chứng đã thu hồi. Phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đồng thời cũng hoàn toàn phù hợp với thời gian và địa điểm xảy ra tội phạm, kết luận Giám định số 26/KL-KTHS ngày 06/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang. Bị cáo do cần tiền để làm ăn, kinh doanh đã đặt làm giả GCNQSDĐ để mang đi thế chấp vay tiền nhưng bị cáo không biết người làm giả GCNQSDĐ cho bị cáo là ai, không tham gia vào việc làm giả GCNQSDĐ. Hình vi đặt làm giả GCNQSDĐ là tiền đề để bị cáo dùng GCNQSDĐ đó vào việc thế chấp để vay tiền. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, Hình vi của các bị cáo đã đủ cơ sở cấu tHình tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã đề nghị xét xử bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự là phù hợp với Hình vi phạm tội của bị cáo và đúng quy định pháp luật.

[4]. Nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Thị H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo tHnh khẩn, ăn năn hối cải; nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ Hnh vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Đánh giá về Hnh vi phạm tội của bị cáo, HĐXX xét thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức và làm chủ Hnh vi của mình, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hnh vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý Hnh chính NH nước mà cụ thể là xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý Hnh chính NH nước về con dấu, tài liệu.

Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với Hnh vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở tHnh người có ích cho xã hội và thể hiện tính nhân đạo trong chính sách pháp luật của NH nước ta.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Đối với các nội dung khác:

[7.1]. Về người phụ nữ đã làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bán cho H, H khai không biết nhân thân, lai lịch người này, chỉ biết tên Lộc có tài khoản Zalo “Lê Lộc”. Cơ quan điều tra đã tiến Hnh kiểm tra tài khoản Zalo “Lê Lộc” trên điện thoại của H nhưng thông tin về tài khoản, nội dung tin nhắn, lịch sử cuộc gọi giữa H và Lộc đã bị xóa, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ là phù hợp quy định pháp luật.

[7.2]. Đối với Nguyễn Văn Đ và Trương Văn Th là người giới thiệu H với anh T để H vay tiền. Quá trình điều tra xác định ông Đ, anh Thập đều không biết việc H thuê làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không biết H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp cho anh T vay tiền nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[7.3]. Về Hnh vi sử dụng giấy tờ giả thế chấp cho anh T vay tiền của Nguyễn Thị H, anh T chưa giao tiền, H chưa chiếm Đ được tiền vay của anh T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[7.4]. Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VISION, biển kiểm soát 98B3- 471.54 thu giữ của H, quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1962 trú tại Thôn T, xã T, tHnh phố Bắc Giang (là bố đẻ của H) cho H mượn. Ông Quảng không biết H dùng xe để mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đi thế chấp vay tiền nên ngày 17/3/2023, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho ông Quảng là đảm bảo quy định pháp luật.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc liên lạc, trao đổi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên cần tịch thu sung công quỹ NH nước.

- Đối với 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị H, không liên quan đến Hnh vi phạm tội, tại phiên tòa bị cáo có ý kiến xin được nhận lại, do vậy cần trả lại cho bị cáo.

[9]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 12 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/6/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, tHnh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi Hnh án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp Hnh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi Hnh án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung công quỹ nH nước 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung của bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị H.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Công an huyện Lục Nam;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Tân Tiến, TP Bắc Giang;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Giáp Thị Loan